TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18a/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2020
V/v: "Không công nhận quan hê vợ chồng; tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hải; 2. Ông Nguyễn Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2020, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 21/10/1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông H2 Đức Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh TGPL số 4 – Trung Tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:*Chị Nguyễn Thị M – Sinh ngày: 05/11/1979 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Htrình bày:

*Về hôn nhân:*Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 12 năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hay ép buộc. Tuy

nhiên, do anh chị hạn chế hiểu biết về pháp luật nên từ khi cưới đến nay không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến hay cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay anh H và chị M đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay anh H xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng để anh chị chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

*Về con chung:*Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa anh chị có với nhau 03 người con chung: Cháu đầu tên là: Nguyễn Thị H1 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 04/01/1998; Cháu thứ hai tên là: Nguyễn Ngọc H2 – Giới tính: Nam - Sinh ngày: 02/02/1999; Cháu thứ ba tên là: Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 15/11/2012. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Ngọc H2 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên việc ở với ai là quyền của các cháu; còn cháu Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 15/11/2012 chưa đủ tuổi trưởng thành và đang sống cùng cô M. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh H thống nhất giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh chưa đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng vì hiện tại anh H bị ảnh hưởng chất độc da cam nên không có công ăn, việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào số tiền Nhà nước đang trợ cấp.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Theo bản tự khai và biên bản H giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M thống nhất như lời trình bày của anh H về tình trạng hôn nhân và con chung, đồng thời cũng thừa nhận là do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến nay, chị M cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M thống nhất, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa anh H và chị M có với nhau 03 người con chung: Cháu đầu tên là: Nguyễn Thị H1 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 04/01/1998; Cháu thứ hai tên là: Nguyễn Ngọc H2 – Giới tính: Nam - Sinh ngày: 02/02/1999; Cháu thứ ba tên là: Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 15/11/2012. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Ngọc H2 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên việc ở với ai là quyền của các cháu; còn cháu Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày:

15/11/2012 chưa đủ tuổi trưởng thành và đang sống cùng chị M. Nếu Tòa án Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H thì chị M xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi đưỡng cháu Nguyễn Thị H3 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chưa yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng vì hiện tại anh H không có công ăn, việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào số tiền Nhà nước đang trợ cấp do ảnh hưởng của chất độc da cam.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Trưởng thôn Đ và Cán bộ Tư pháp xã T đều trình bày:Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M đều có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn và UBND xã T cũng chưa làm thủ tục để giới thiệu anh, chị đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại một địa phương nào khác. Sau khi cưới, giữa anh H và chị M sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay anh H và chị M đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, địa phương cũng mong muốn được Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị M để anh chị chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Tại phiên tòa,đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơnchấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơnvắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vì Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe và bận công tác nên đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của Nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy anh H và chị M tuy sống chung với nhau, có 03 con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được coi là vợ chồng. Hiện nay anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm

trọng, đã sống ly thân với nhau nên không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào quy định của pháp luật,đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh H: không công nhận anh, chị là vợ chồng; Về con chung:Giữa anh H và chị M có 03 con người con chung và các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Ngọc H2 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên việc ở với ai là quyền của các cháu; còn cháu Nguyễn Thị H3 –Sinh ngày: 15/11/2012 chưa đủ tuổi trưởng thành và đang sống cùng chị M. Anh H và chị M đều thống nhất giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc và nuôi đưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng như lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị H3. Xét thấy, chị M là người khỏe mạnh, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình, có tư cách đạo đức tốt và theo ý kiến của cháu H3 là cháu có nguyện vọng được ở với chị M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về phần cấp dưỡng: Do anh H không có công ăn, việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào số tiền Nhà nước đang trợ cấp do ảnh hưởng chấp độc da cam nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình 2014, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung, là anh Nguyễn Ngọc H chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị H3 trong vụ án này; Về tài sản và nghĩa vụ chung: Do anh H và chị Mkhông yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Anh H là người khuyết tật do ảnh hưởng chất độc da cam và hiện nay đang sống phụ thuộc vào số tiền trợ cấp của Nhà nước. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho anh H.

* Phần tranh luận:

- Luận cứ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn có ý kiến và nêu quan điểm như sau:

Về hôn nhân: Anh H và chị M được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 12 năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hay ép buộc. Tuy nhiên, do anh chị hạn chế hiểu biết về pháp luật nên từ khi cưới đến nay vợ chồng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến hay cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay anh H và chị M đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Xét thấy mẫu thuẫn giữa anh H và chị M

đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị M để anh chi chấm dự tình trạng hôn nhân này.

*Về con chung:*Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa anh H và chị M có 03 con người con chung: Cháu đầu tên là: Nguyễn Thị H1 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 04/01/1998; Cháu thứ hai tên là: Nguyễn Ngọc H2 – Giới tính: Nam - Sinh ngày: 02/02/1999; Cháu thứ ba tên là: Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 15/11/2012. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Ngọc H2 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên việc ở với ai là quyền của các cháu; còn cháu Nguyễn Thị H3 –Sinh ngày: 15/11/2012 chưa đủ tuổi trưởng thành và đang sống cùng chị M. Anh H và chị M đều thống nhất giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc và nuôi đưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng như lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị H3. Xét thấy, chị M là người khỏe mạnh, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình, có tư cách đạo đức tốt và theo ý kiến của cháu H3 là cháu có nguyện vợ được ở với chị M. Từ những luận cứ nêu trên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

*Về phần cấp dưỡng:*Do anh H không có công ăn, việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào số tiền Nhà nước đang trợ cấp do ảnh hưởng chấp độc da cam nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình 2014, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung, là anh Nguyễn Ngọc H chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị H3 trong vụ án này.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Do anh H và chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn không có ý kiến gì.

Về án phí: Anh H là người khuyết tật do anh hưởng chất đột da cam, hiện nay đang được hưởng tiền trợ cấp của Nhà nước –thuộc đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho anh H.

- Tại phiên toà anh Nguyễn Ngọc H không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện; Về việc vắng mặt của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xãT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.Bị đơn chị Nguyễn Thị M, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các loại văn bản tố tụng liên quan đến vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt có lý do (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe và bận công tác) nên theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

*Về hôn nhân:*Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M, tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1996, do hạn chế về hiểu biết pháp luật, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nên quan hệ này không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng giữa anh chị với nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình thì anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M đủ điều kiện kết hôn với nhau, nhưng do mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019cho đến nay nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ giữa anh H và chị M không có khả năng đoàn tụ, không cần thiết hướng dẫn cho anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật. Vì vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh H không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M.

*Về con chung**:*** Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị M đều xác nhận,trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa anh chị có với nhau 03 người con chung: Cháu đầu tên là: Nguyễn Thị H1 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 04/01/1998; Cháu thứ hai tên là: Nguyễn Ngọc H2 – Giới tính: Nam - Sinh ngày: 02/02/1999; Cháu thứ ba tên là: Nguyễn Thị H3 – Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 15/11/2012. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cháu Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Ngọc H2 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên việc ở với ai là quyền của các cháu; còn cháu Nguyễn Thị H3 – Sinh ngày: 15/11/2012 chưa đủ tuổi trưởng

thành và đang sống cùng chị M. Anh H và chị M đều thống nhất giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc và nuôi đưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng như lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị H3. Xét thấy, chị M là người khỏe mạnh, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình, có tư cách đạo đức tốt và theo ý kiến của cháu H3 là cháu có nguyện vọng được ở với chị M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, là giao cháu Nguyễn Thị H3 cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về mức cấp dưỡng: Tại các bản tự khai, biên bản H giải các đương sự đều thống nhất thỏa thuận: Anh H chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị H3 trong vụ án này vì hiện nay anh H không có công ăn, việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào số tiền Nhà nước đang trợ cấp do ảnh hưởng chấp độc da cam. Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương và thu nhập của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là anh Nguyễn Ngọc H chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị H3 trong vụ án này, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ chung:Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Mkhông yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ giải quyết việc phân chia tài sản bằng vụ án khác.

[4]Về án phí và quyền kháng cáo:Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ. Nhưng căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn là anh H thuộc đối tượng người khuyết tật do ảnh hưởng chất độc da cam và hiện nay đang được hưởng tiền trợ cấp của Nhà nước nên được miễn tiền án phí theo quy định.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, 14, 15, 16, 69, 70, 71, 72,73, 81, 82, 83; 84, và Điều 116Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vàĐiều 228 BLTTDS;điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Mlà vợ chồng.

Về con chung: Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và ý kiến của cháu Nguyễn Thị H3. Cụ thể như sau: Giao cháuNguyễn Thị H3 – Sinh ngày: 15/11/2012cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H3 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị H3 trong vụ án này.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*Về án phí:*Anh Nguyễn Ngọc H được miễn tiền án phí ly hôn; Chị Nguyễn Thị M không phải chịu án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn; vắng mặt Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt Bản án hợp lệ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn